



yǒu shēng zhī nián
有生之年

noun phrase · in one's lifetime; the rest of one's life

Example Sentences

Yǒu shēng zhī nián wǒ yī dìng yào qù yī cì Xī Zàng
有生之年，我一定要去一次西藏。

In my lifetime, I must go to Tibet at least once.

Tā zài yǒu shēng zhī nián wán chéng le zhè bù jù zhù
他在有生之年完成了这部巨著。

He completed this masterpiece within his lifetime.

Trace each character, then write the word on your own.

有	有	有	有	有	有	有	有	有		
生	生	生	生	生	生	生	生			
之	之	之	之	之	之					
年	年	年	年	年	年	年	年	年		